

Số: 63 /2025/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 10 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7708/TTr-SNNMT ngày 09/9/2025 về việc đề nghị ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh về việc quy định cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công trong lĩnh vực quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Nghệ An

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 3 Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND như sau:

“3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.”



2. Sửa đổi khoản 1 Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND như sau:

“1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.”.

3. Bổ sung mục XXXI, XXXII, XXXIII vào Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND như sau:

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
XXXI	Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã				
1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu				
	- Các tài liệu thu thập	Tài liệu	100	20	Phiếu YKKT
	- Kết quả tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Kết quả điều tra, khảo sát thực địa	Tài liệu	50	10	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề về kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường, biến đổi khí hậu và đánh giá các nguồn lực tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp xã				
	- Bản đồ chuyên đề (nếu có)	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề phân tích đánh giá, điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường; thực trạng phát triển kinh tế xã hội; phân tích đánh giá các nguồn lực tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
3	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước				
	- Các báo cáo về hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất theo loại đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu	Bảng,	100	10	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		biểu			
	- Các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước, trường hợp chưa có quy hoạch sử dụng đất kỳ trước thì đánh giá trên cơ sở nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp xã trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt (trước ngày 01/7/2025); phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất; phân tích đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả quy hoạch sử dụng đất cấp xã kỳ trước	Bản đồ	100	30	Phiếu YKKT
	Các báo cáo đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp xã đến thời điểm tổ chức điều chỉnh đối với điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Bản đồ	100	30	Phiếu YKKT
4	Xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất				
	Báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm, mục tiêu và dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
5	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch				
	Báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
6	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	- Các bản đồ chuyên đề (nếu có)	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Các báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
7	Lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã trong quy hoạch sử dụng đất cấp xã				
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Bảng, biểu	100	10	Phiếu YKKT
	- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp xã; bản đồ hoặc bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
	- Báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
8	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất 05 năm cấp xã				
	- Báo cáo và báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất của 05 năm quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Báo cáo	100	30	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bảng, biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ	Tài liệu	100	10	Phiếu YKKT
	- Hệ thống bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Bản đồ	100	20	Phiếu YKKT
9	Lập kế hoạch sử dụng đất cấp xã đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công như khoản 1, 2, 3, 7, 8 Mục này theo quy định kỹ thuật lập tại Điều 42 Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT)			
XXXII	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công như Mục XXXI			
XXXIII	Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp xã đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp xã	Công tác giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng, kiểm tra, nghiệm thu công trình, sản phẩm, dịch vụ công như			

STT	Tên công việc, sản phẩm, dịch vụ công và hạng mục kiểm tra	Đơn vị tính	Mức kiểm tra (%)		Kết quả kiểm tra
			Đơn vị thi công	Chủ đầu tư	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		khoản 9 Mục XXXI			

4. Bãi bỏ các Mục: XXI; XXII; XXIV; XXV; XXVI.3; XXVII.2 (đối với phần nội dung cấp huyện) của Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND.

5. Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã” tại các Mục: XXVI.4; XXVII.2 (đối với phần nội dung cấp tỉnh) của Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND.

6. Bỏ các cụm từ “thị trấn” tại Mục XXVI và Mục XXVII của Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19/9/2025.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN (...)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh